

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Công văn số 5511/BKH-CN-CĐSQG ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 ngày 12 tháng 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP.

3. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

4. Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

6. Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

7. Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thành ủy Cần Thơ về hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC ĐÍCH

1. Cụ thể hóa, đồng bộ các mục tiêu, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm triển khai hiệu quả và đồng bộ các nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp theo Kế hoạch số 43-KH/TU trên toàn thành phố. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là trụ cột phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Người đứng đầu, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải tiên phong, gương mẫu, trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ, chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức và cá nhân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhằm đạt mục tiêu Kế hoạch.

3. Ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, y tế, giáo dục, nông nghiệp và du lịch...; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

4. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, tiếp tục xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, phát triển xã hội số, công dân số, chỉ đạo, điều hành thông minh dựa trên dữ liệu; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin, Khu công nghệ số tập trung phù hợp với thực tiễn tại thành phố.

5. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 43-KH/TU để đóng góp thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế của thành phố **đạt hai con số**.

III. YÊU CẦU

1. Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 43-KH/TU và theo hướng dẫn của Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG.

2. Quán triệt nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; kế thừa các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số,...).

3. Xác định thể chế, cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng.

4. Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện rõ ràng phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể (theo tháng, quý); có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của thành phố. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

6. Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện.

7. Ưu tiên tăng bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp thúc đẩy việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư,...); sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế địa phương thông qua đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GRDP của thành phố.

Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; khơi dậy tinh thần sáng tạo, đẩy mạnh đào tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

Tập trung chuyển đổi số toàn diện trên ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thúc đẩy phát triển công dân số; xây dựng xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; lấy dữ liệu số làm động lực, hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu dùng chung làm nền tảng; người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Tập trung hoàn thiện hạ tầng số, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phát triển các nền tảng đô thị thông minh, thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, xây dựng công dân số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Hoàn thiện hạ tầng dữ liệu tiến tới thực hiện các hoạt động chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu. Qua đó, tạo động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP phấn đấu đạt 17,5%;

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế 50%.

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G trên địa bàn $\geq 70\%$;

- Trên 80% hộ gia đình có khả năng tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1,0\%$ tổng chi ngân sách thành phố chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% GRDP;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản;

- 50% cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành;

- 85% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông;

- Có từ 10 người thực hiện công tác nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 25 doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

- Có ≥ 05 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố;
 - Có ≥ 20 công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu;
 - Có ≥ 20 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai;
 - Có $\geq 30\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu;
 - Có ≥ 10 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích);
 - Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh;
 - Có ≥ 80 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại thành phố (Scopus/ISI);
 - Có ≥ 01 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực;
 - Ứng dụng AI, IoT, Big Data..., trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân;
 - Thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII);
- d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo*
- Có ≥ 75 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo;
 - Có ≥ 02 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;
 - Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh;
 - Có ≥ 10 sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo được thương mại hoá;
 - Có ≥ 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách thành phố;
 - Có ≥ 02 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố;
 - Có ≥ 70 bài báo khoa học ứng dụng liên quan khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới sáng tạo;
 - Có $\geq 5\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác, phát triển với các viện/trường;
 - Có ≥ 30 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.
- đ) Phát triển chuyển đổi số*
- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,7$.

Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch;
- Có $\geq 80\%$ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước;
- Có $\geq 80\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”;
- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của thành phố đạt tối thiểu 80%;
- Có $\geq 90\%$ hồ sơ TTHC xử lý hoàn toàn trực tuyến người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần;
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan cấp thành phố và cấp xã đạt tối thiểu 80%;
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật các cấp trên địa bàn thành phố đạt tối thiểu 80%;
- Có $\geq 50\%$ hệ thống thông tin của thành phố được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây;
- Số hóa 100 % hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC;
- 100% TTHC đủ điều kiện thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính;
- Có $\geq 60\%$ cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa và liên thông với Trung ương;
- Có $\geq 65\%$ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố được tích hợp về Kho dữ liệu dùng chung thành phố thông qua nền tảng LGSP;
- Trên 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng đối với việc sử dụng DVC trực tuyến;
- 50% các DVC trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng (AI) trong hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ;
- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc. Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử đạt 70% tại cấp thành phố, 70% tại cấp xã;
- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố;

- 80% khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, DVC;

- Hoàn thiện và khai thác Trung tâm giám sát, điều hành thông minh thành phố;

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số;

- 100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử;

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

Kinh tế số

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử;

- Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 14,5%;

- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số;

- Hơn 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử;

- 80% tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố.

Xã hội số

- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID);

- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác;

- Tối thiểu 30% dân số từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân;

- 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân;

- 100% trường học cấp phổ thông triển khai nền tảng quản trị trường học;

- Tỷ lệ người học phổ thông có hồ sơ học bạ điện tử cá nhân đạt 100%.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

V. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Thực hiện theo Phụ lục II đính kèm.

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN

Thực hiện theo Phụ lục III đính kèm.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số,...) đảm bảo tối thiểu 1% ngân sách thành phố và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân). Khuyến khích các mô hình hợp tác công - tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm người đứng đầu trước Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý;

b) Căn cứ nhiệm vụ được phân công xây dựng Kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tiến độ, có trọng tâm, trọng điểm và lựa chọn một công việc mang tính đột phá, triển khai có hiệu quả thiết thực nhằm tạo chuyển biến chung đối với công tác chuyển đổi số của chính cơ quan, đơn vị. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) tiến độ thực hiện trước ngày 15 hàng tháng, báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 15 tháng 12 về các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của thành phố đảm bảo tính đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu;

d) Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Đầu mối, đôn đốc, phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường hoàn thành các nhiệm vụ được giao; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, cập nhật thường xuyên dữ liệu lên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tiếp thu các phản hồi và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo kịp thời;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành thành phố có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí triển khai Kế hoạch theo đúng quy định; đảm bảo bố trí ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tối thiểu 1%;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

4. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố;

b) Thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nhiệm vụ liên quan công tác số hóa tài liệu lưu trữ trên địa bàn thành phố.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn thành phố triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, các kênh truyền thông khác để các cấp, các ngành và đông đảo người dân, tổ chức, doanh nghiệp hiểu, biết và tích cực tham gia thực hiện.

6. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Cần Thơ, các tổ chức chính trị - xã hội, Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ, Cổng Thông tin điện tử thành phố và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn thành phố

a) Phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình, mạng xã hội, các nền tảng số theo quy định; phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, các mô hình điển hình về chuyển đổi số;

b) Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Cần Thơ nghiên cứu tham mưu xây dựng đề án Chuyển đổi số của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhằm tăng cường tính tiên phong của tuổi trẻ thành phố trong việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo mạnh mẽ các đơn vị trực thuộc huy động lực lượng nòng cốt, trẻ, am hiểu

công nghệ tham gia vào thành phần Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đội hình Bình dân học vụ số tại các địa phương. Phát động phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong thanh niên, thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường, ham học hỏi, sáng tạo trong giới trẻ thành phố;

c) Thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

7. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố

Tham gia với vai trò nòng cốt, ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đặc biệt, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin tích cực hỗ trợ phát triển chính quyền số, quan tâm phát triển kinh tế số, xã hội số, phối hợp thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 và Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi số thành phố Cần Thơ năm 2026.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Đảng ủy UBND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TU;
- Văn phòng Thành ủy;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Báo và PTTH Cần Thơ;
- VP. UBND TP (2,3,4,5,6,7);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, VHQ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THEO DÕI, TRIỂN KHAI MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
I	Chỉ tiêu chung		
1	Tỷ trọng đóng góp của khoa học, công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS) trong GRDP phần đầu đạt 17,5%.	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
2	Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế 50%.	Sở Tài chính	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.
II	Phát triển hạ tầng		
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G trên địa bàn $\geq 70\%$.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông
2	Trên 80% hộ gia đình có khả năng tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
III	Phát triển nguồn lực		
1	Có $\geq 1,0\%$ tổng chi ngân sách thành phố chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho KH-CN, ĐMST và CĐS đạt 2% GRDP.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
2	100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
3	50% cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin, CDS được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
4	100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ
5	85% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	- Sở Y tế; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Bảo hiểm xã hội thành phố; - Sở Xây dựng.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
6	Có từ 10 người thực hiện công tác nghiên cứu phát triển KHCN, ĐMST trên 01 vạn dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
IV	Phát triển khoa học, công nghệ		
1	Có ≥ 25 doanh nghiệp KHCN.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở Công Thương.
2	Có ≥ 5 tổ chức KHCN công lập trực thuộc thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
3	Có ≥ 20 công trình KHCN cấp thành phố được nghiệm thu.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
4	Có ≥ 20 nhiệm vụ KHCN cấp thành phố triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
5	Có $\geq 30\%$ kết quả KHCN được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
6	Có ≥ 10 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
7	Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
8	Có ≥ 80 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại thành phố (Scopus/ISI).	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Có ≥ 1 công trình đạt giải thưởng KHCN quốc gia/khu vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
10	Ứng dụng AI, IoT, Big Data..., trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
11	Thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu về chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII).	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
V	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo		
1	Có ≥ 75 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và ĐMST.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở Công Thương.

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
2	Có ≥ 02 vườn ươm/trung tâm ĐMST/trung tâm khởi nghiệp và ĐMST.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
4	Có ≥ 10 sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo, ĐMST được thương mại hoá.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
5	Có ≥ 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo, ĐMST được hỗ trợ từ ngân sách thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
6	Có ≥ 02 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
7	Có ≥ 70 bài báo khoa học ứng dụng liên quan khởi nghiệp sáng tạo và ĐMST.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
8	Có $\geq 5\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác, phát triển với các viện/trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Có ≥ 30 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
VI	Phát triển chuyển đổi số		
1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,7$.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
	Chính quyền số		

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
1	100% thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở Tài chính; - Sở Công thương.
2	Có $\geq 80\%$ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở Tài chính; - Sở Công thương.
3	Có $\geq 80\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
4	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của thành phố đạt tối thiểu 80%.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
5	Có $\geq 90\%$ hồ sơ TTHC xử lý hoàn toàn trực tuyến người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Văn phòng UBND thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.
6	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan cấp thành phố và cấp xã đạt tối thiểu 80% (theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ban hành Chương trình hoạt động của Ban Chỉ đạo Chính phủ năm 2026).	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
7	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật các cấp trên địa bàn thành phố đạt tối thiểu 80% (theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ban hành Chương trình hoạt động của Ban Chỉ đạo Chính phủ năm 2026).	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Văn phòng UBND thành phố
8	Có $\geq 50\%$ hệ thống thông tin của thành phố được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	Sở, ban, ngành thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
9	Số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.
10	100% TTHC đủ điều kiện thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.
11	Có $\geq 60\%$ cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa và liên thông với Trung ương.	Sở, ban, ngành thành phố	Bộ, ngành Trung ương
12	Có $\geq 65\%$ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thành phố được tích hợp về Kho dữ liệu dùng chung thành phố thông qua nền tảng LGSP.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính; - Văn phòng UBND thành phố; - Công an thành phố; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
13	Trên 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng đối với việc sử dụng DVC trực tuyến.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Khoa học và Công nghệ; - Văn phòng UBND thành phố.

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
14	50% các DVC trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng (AI) trong hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Văn phòng UBND thành phố.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
15	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc. Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử đạt 70% tại cấp thành phố, 70% tại cấp xã.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Văn phòng UBND thành phố.
16	100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
17	80% khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, DVC.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
18	Hoàn thiện và khai thác Trung tâm giám sát, điều hành thông minh thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
19	100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
20	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Công an thành phố

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
21	100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	UBND xã, phường	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính.
	<i>Kinh tế số</i>		
1	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
2	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 15%.	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.	Sở Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Thuế thành phố Cần Thơ; - UBND xã, phường; - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch thành phố Cần Thơ; - Hiệp hội Doanh nghiệp; - Các ngân hàng trên địa bàn thành phố; - Các doanh nghiệp nền tảng số.

STT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
4	Hơn 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị có liên quan
5	80% tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 14	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
	Xã hội số		
1	Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
2	95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 14	Cơ quan, đơn vị có liên quan
3	Tối thiểu 30% dân số từ 15 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan
4	95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân.	Sở Y tế	- UBND xã, phường; - Các bệnh viện, Trung tâm y tế, các Trạm y tế, các cơ sở khám chữa bệnh.
5	100% trường học cấp phổ thông triển khai nền tảng quản trị trường học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.
6	Tỷ lệ người học phổ thông có hồ sơ học bạ điện tử cá nhân đạt 100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.

Phụ lục II
NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát				
1	Tổ chức các phiên họp định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo để đánh giá tiến độ, tháo gỡ vướng mắc, đề xuất giải pháp mới.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Nội vụ; - Công an thành phố.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Định kỳ	
2	Kiện toàn Hội đồng tư vấn về phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành thành phố	Thường xuyên	
3	Xây dựng chương trình công tác của Ban Chỉ đạo phát triển KH-CN, ĐMST, CDS và Đề án 06 (ĐA 06) của Ủy ban nhân dân thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành thành phố	Quý I	
4	Phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Nội vụ; - Công an thành phố.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
5	Tổng hợp, đánh giá và công khai kết quả giám sát, xếp hạng CDS của các đơn vị.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ; - Văn phòng UBND thành phố.	Tháng 12	
II	Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông				
6	Triển khai Kế hoạch đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
7	Cập nhật chuyên mục “KHCCN, ĐMST và CDS” trên Cổng thông tin điện tử thành phố và các nền tảng mạng xã hội; Cổng thông tin Sở Khoa học và Công nghệ, Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;...	- Văn phòng UBND thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Báo và PTTH Cần Thơ.	Thường xuyên	
8	Tổ chức các hội nghị, hội thảo nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về KHCCN, ĐMST và CDS trong các cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
9	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Văn phòng UBND thành phố; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
10	Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
11	Xây dựng, triển khai và phát triển nền tảng cơ sở dữ liệu về KHCN của thành phố, phục vụ kết nối, khai thác thông tin KHCN trong nước và quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
12	Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp và ĐMST thành phố Cần Thơ; liên kết tổ chức các cuộc thi cấp vùng, quốc gia và quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
13	Tổ chức chuỗi các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày hội ĐMST quốc gia, Ngày CDS quốc gia hằng năm, Tuần lễ KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
14	Phát động phong trào thi đua, khen thưởng lập thành tích trong công tác KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Nội vụ	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
15	Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về giải pháp phát triển KHCN, ĐMST và CDS gắn với từng ngành, từng lĩnh vực kinh tế - xã hội của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường; - Viện, trường.	Quý IV	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
16	Xây dựng, khai thác và phát triển Nền tảng truyền thông tích hợp thu thập, tổng hợp, phân tích, chia sẻ thông tin trong nước và quốc tế về giải pháp phát triển KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường; - Viện, trường.	Quý IV	
17	Tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên sâu, chương trình truyền thông nâng cao năng lực, đổi mới tư duy về KHCN, ĐMST và CDS cho cơ quan quản lý, viện, trường, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường; - Viện, trường.	Thường xuyên	
18	Sở, ban, ngành, UBND xã, phường tăng cường triển khai công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy CDS cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
III	Xây dựng hoàn thiện thể chế, khung pháp lý, cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn thành phố				
19	Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế, chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
20	Rà soát, xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho CĐSV và phát triển KH-CN, ĐMST phục vụ phát triển kinh tế xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý II	
21	Tham mưu bố trí ngân sách thành phố cho KH-CN, ĐMST và CĐSV theo quy định.	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
22	Chủ động rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động trong năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
23	Rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) đã xuống cấp.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính.	Quý II	Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025
24	Xây dựng và ban hành kiến trúc dữ liệu, thành phố bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Công an thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	CTCT BCĐ Chính phủ 2026

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
25	Nghị quyết về đẩy mạnh xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở Nội vụ; - Sở Tư pháp.	Quý I	
26	Đề án phát triển đội ngũ cán bộ KHCN, ĐMST và CDS giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
27	Xây dựng, duy trì và cập nhật Khung kiến trúc số thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
28	Xây dựng Đề án phát triển KHCN, ĐMST và CDS thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
29	Ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI) thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
30	Triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
31	Cập nhật Chương trình thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
32	Ban hành Kế hoạch phát triển hoạt động ĐMST và hệ thống ĐMST, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
33	Ban hành Kế hoạch đẩy mạnh phát triển thị trường KHCN trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
34	Ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu số về KHCN và ĐMST thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
35	Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư vào Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin, Khu Công nghệ số tập trung.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
36	Nghiên cứu thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính; - Sở Nội vụ; - Sở, ban, ngành thành phố. 	Quý IV	
37	Đề án Xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ)	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nội vụ, - Sở Tài chính; - Sở Tư pháp; - Sở Xây dựng; - Ban QLDA ĐTXDCT DDCN thành phố. 	Quý IV	
38	Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường; - Các đơn vị liên quan. 	Quý IV	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
39	Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường; - Các đơn vị liên quan.	Quý IV	
40	Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ; - Sở Tài chính; - Sở Tư pháp; - Sở Công Thương; - Ban Quản lý các KCXCN Cần Thơ.	Quý IV	
41	Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ; - Sở Tài chính; - Sở Tư pháp; - UBND xã, phường.	Quý IV	
42	Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách, quy định nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tích cực sử dụng dịch vụ Chính quyền số, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Văn phòng UBND thành phố; - Sở Tài chính.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
43	Xây dựng, điều chỉnh tiêu chuẩn, mô tả vị trí việc làm theo từng lĩnh vực quản lý, bổ sung yêu cầu kỹ năng số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và công cụ làm việc của vị trí, trên cơ sở tham chiếu Khung năng lực số quốc gia và các quy định hiện hành.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Sở Nội vụ	Tháng 12	
44	Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng của thành phố.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	Tháng 3	
45	Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu.	- Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường.	- Sở Tư pháp; - Sở Khoa học và Công nghệ.	Thường xuyên	
46	Tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu và danh mục bảo vệ bí mật nhà nước.	Công an thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tư pháp.	Quý I	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
IV	Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
47	Xây dựng hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung thành phố Cần Thơ.	Quỹ Đầu tư phát triển	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính; - Sở Xây dựng.	Quý IV	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
48	Xây dựng hạ tầng Khu Công nghệ số Hậu Giang.	Ban QLDA ĐTXDCT thành phố DDCN	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính; - Sở Xây dựng.	Quý IV	
49	Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Khu Công nghệ cao Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở Tư pháp; - Sở Xây dựng; - Ban QLDA ĐTXDCT DDCN thành phố.	Quý IV	
50	Đầu tư nâng cấp và nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng; các không gian đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp tại các địa bàn trọng điểm của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
51	Đầu tư, xây dựng và vận hành không gian sáng tạo STEAM, STEM.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - UBND xã, phường; - Các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.	Quý IV	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
52	Đầu tư trang thiết bị nâng cao tiềm lực KHCN trong lĩnh vực dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng; trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và an toàn bức xạ, hạt nhân.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở, ban, ngành thành phố.	Quý IV	
53	Nâng cấp hạ tầng viễn thông, mạng lưới Internet băng thông rộng chất lượng cao (5G) đồng bộ với hệ thống hạ tầng đô thị của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở, ban, ngành thành phố.	Quý IV	
54	Triển khai hạ tầng số cho đề án đô thị thông minh, đầu tư nền tảng Internet vạn vật (IoT).	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở, ban, ngành thành phố.	Thường xuyên	
55	Nâng cấp, quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu thành phố phục vụ duy trì hoạt động các hệ thống dùng chung của thành phố; đảm bảo đường truyền phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung từ thành phố đến xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Công an thành phố.	Thường xuyên	
56	Nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền..., đảm bảo phục vụ hoạt động chính quyền số cấp sở, cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
57	Bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã.	UBND xã, phường	- Sở Nội vụ; - Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý I	
58	Phát triển mạng 5G tại thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông	Tháng 12	
59	Chuyển đổi IPv6 cho các dịch vụ ứng dụng CNTT tại Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
60	Rà soát nâng cấp đường truyền Internet, bảo đảm ổn định, đặc biệt tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Các doanh nghiệp viễn thông; - Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý II	Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025
V	Phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
61	Triển khai đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và quản lý trong các lĩnh vực ưu tiên của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Nội vụ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
62	Đẩy mạnh triển khai hệ thống đào tạo chuyên sâu về STEM, khởi nghiệp, quản lý công nghệ trong các trường phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Khoa học và Công nghệ; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
63	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, Tổ Công nghệ số cộng đồng đảm bảo thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025
64	Tập huấn về phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo các cấp; về an toàn thông tin cho đội ngũ chuyên trách an toàn thông tin.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Công an thành phố.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
65	Xây dựng, triển khai các nội dung, chương trình truyền thông về kỹ năng số cho học sinh phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Khoa học và Công nghệ; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
66	Triển khai thực hiện Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.	Sở Nội vụ	- Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
67	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
68	Đẩy mạnh hợp tác giữa nhà trường - doanh nghiệp - viện nghiên cứu trong đào tạo gắn với nhu cầu nhân lực thực tiễn.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố	Thường xuyên	
69	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường học trên địa bàn	Tháng 12	
70	Chỉ đạo các tổ chức cơ sở đoàn trực thuộc cử thành viên tham gia làm lực lượng nòng cốt trong Tổ Công nghệ số cộng đồng; phát động các phong trào thi đua trong đoàn viên thanh niên tiên phong sử dụng các nền tảng, ứng dụng công nghệ số, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư.	Thành đoàn	- Sở Khoa học và Công nghệ; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
71	Phối hợp bố trí kinh phí triển khai xây dựng và duy trì nền tảng “Bình dân học vụ số”, kinh phí triển khai hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ	Sở Tài chính	- Sở Khoa học và Công nghệ;	Quý II	CTCT BCD Chính phủ năm 2026

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
	số - nông thôn số, kinh phí tuyên truyền nâng cao kỹ năng số và kinh phí khác phục vụ triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” và tuyên truyền phục vụ triển khai Đề án 06.		- Công an thành phố; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.		
72	Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại xã, phường phù hợp.	UBND xã, phường	Sở Nội vụ	Quý II	Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025
VI	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ				
73	Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, thế mạnh và dư địa tăng trưởng của địa phương (ví dụ: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến - chế tạo, du lịch, logistics, y tế, giáo dục, quản trị đô thị...), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ KHCN và ĐMST để giải quyết ngay trong năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
74	Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị,...)	- Sở Y tế; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Xây dựng.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài chính.	Quý III	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
75	Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp, cụm ngành chủ lực của thành phố; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Công Thương; - Sở Tài chính; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Quý I	Chương trình số 02-CTr/TW ngày 02/02/2026
76	Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Quý I	Chương trình số 02-CTr/TW ngày 02/02/2026 CTCT BCD CP 2026
77	Triển khai nghiên cứu các đề tài, dự án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế, môi trường, quản lý đô thị và hành chính công trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
78	Triển khai nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng các mô hình thành phố thông minh, cơ sở dữ liệu số và hệ thống quan trắc, cảnh báo tự động phục vụ quản lý đô thị và phòng, chống thiên tai.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
79	Triển khai nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực quản trị và hành chính công, an ninh kinh tế số, phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu cho thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
80	Triển khai nghiên cứu, chọn tạo giống, xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp tuần hoàn cho các cây trồng, vật nuôi chủ lực vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
81	Triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, IoT, chế phẩm vi sinh và phụ phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm phát thải và bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
VII	Thúc đẩy phát triển đổi mới sáng tạo				
82	Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Quý I	
83	Triển khai Quỹ Phát triển KH-CN và ĐMST thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Tài chính; - Sở Nội vụ; - Sở, ban, ngành thành phố.	Quý III	
84	Kế hoạch nâng cao Bộ chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
85	Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ, các Không gian ĐMST và hỗ trợ khởi nghiệp tại phường Vị Tân, phường Phú Lợi, phường Ninh Kiều và phường Cái Khế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
86	Triển khai Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
87	Triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
88	Tổ chức các sự kiện, diễn đàn, hội thảo, tọa đàm về khởi nghiệp và ĐMST.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
89	Xây dựng, phát triển và vận hành các nền tảng: Nền tảng thương mại (E-commerce platform) cho ý tưởng, dự án và sản phẩm khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo và ĐMST; Nền tảng kết nối, thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH-CN kết nối thị trường KH-CN trong và ngoài nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
90	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
91	Triển khai Kế hoạch phát triển hoạt động ĐMST và hệ thống ĐMST, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo thành phố Cần Thơ năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
92	Tổ chức các hoạt động, sự kiện kết nối, phát triển thị trường KHCN, ĐMST và CDS; Tech Showcase,...	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
93	Tổ chức các hoạt động bình chọn, trao giải sản phẩm KHCN, ĐMST và CDS tiêu biểu của thành phố, mở rộng khu vực, vùng và quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
VIII	Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh				
94	Tham mưu triển khai thực chất, có hiệu quả Chương trình Chính phủ số (tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ) và thực hiện CDS trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức hai con số, có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.		Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026 của BCĐ TW CTCT Chính phủ 2026

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
	<i>Chính quyền số</i>				
95	Tiếp tục phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đồng thời kết nối và chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung của thành phố, các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương.	Sở, ban, ngành thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
96	Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; số hóa đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Văn phòng UBND thành phố	Thường xuyên	
97	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp thành phố để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
98	Cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Sở, ban, ngành thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I	
99	Nâng cấp Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thành phố phục vụ chính quyền số, đô thị thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
100	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử thành phố và các Cổng thông tin điện tử thành phần Sở, ban, ngành, xã, phường.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
101	Ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cơ quan, đơn vị trên môi trường điện tử; xây dựng kịch bản phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu.	Văn phòng UBND thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
102	Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố; xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý IV	
103	Ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung, đồng thời, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
104	Cập nhật hoàn thiện danh mục dữ liệu mở phục vụ kết nối, chia sẻ và tái sử dụng.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
105	Rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình CDS cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II	
106	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ CDS của cơ quan, địa phương (nhất là tại cấp xã).	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
107	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp thành phố để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	
108	Tăng cường quản trị và bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, triển khai các giải pháp kiểm kê, phân loại, tiêu chuẩn hóa, định danh dữ liệu; thực hiện chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền số quốc gia.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Công an thành phố.	Thường xuyên	
109	Ứng dụng công nghệ số trong giám sát và đánh giá hoạt động dữ liệu, xây dựng bảng điều khiển trực tuyến tổng hợp thông tin về tiến độ, hiệu quả khai thác dữ liệu; kết nối với các hệ thống giám sát điều hành thông minh, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố và đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Năm 2026	
110	Sở, ban, ngành ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cơ quan, đơn vị trên môi trường điện tử; Xây dựng kịch bản phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu.	Sở, ban, ngành thành phố	Văn phòng UBND thành phố	Tháng 6	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
111	Sở, ban, ngành thành phố tiếp tục phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo đồng bộ, thống nhất; đồng thời, kết nối và chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung của thành phố, các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương khác theo quy định.	Sở, ban, ngành thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Công an thành phố.	Năm 2026	
112	Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Văn phòng UBND thành phố	Thường xuyên	
113	Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Văn phòng UBND thành phố	Tháng 12	
114	Nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Cần Thơ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Tháng 12	
115	Rà soát khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin dùng chung.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Công an thành phố.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
	<i>Đô thị thông minh</i>				
116	Triển khai Đề án đô thị thông minh thành phố Cần Thơ.	Sở Xây dựng	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý II	
117	Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (Trung tâm IOC).	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý III	
118	Tổ chức triển khai thí điểm Bản sao số.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý III	
	<i>Kinh tế số</i>				
119	Triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
120	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia CDS.	Sở Tài chính	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
121	Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.	Sở Công Thương	Sở, ban, ngành thành phố; UBND xã, phường	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
	<i>Xã hội số</i>				
122	Triển khai chương trình Quỹ viễn thông công ích hỗ trợ thiết bị di động thông minh, mạng Internet, viễn thông cho hộ gia đình chính sách. Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình phổ cập điện thoại di động thông minh giá rẻ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
123	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới CDS tại cơ sở, đặc biệt là các Tổ Công nghệ số cộng đồng; phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng theo hướng xã hội hoá.	UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
124	Huy động nguồn lực Nhà nước và xã hội hóa để đầu tư lắp đặt mạng Internet và các trang thiết bị công nghệ thiết yếu tại Nhà văn hóa, Tổ dân phố phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin, tiếp cận công nghệ số của Nhân dân.	UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
125	Hỗ trợ triển khai phát triển mạng 5G, đảm bảo cáp quang đến hộ gia đình. Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình phổ cập điện thoại di động thông minh giá rẻ	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
126	Triển khai chương trình “Bình dân học vụ số” để phổ cập kỹ năng cho người dân. Cung cấp các khóa học trực tuyến mở (MOOCs) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
127	Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung chức năng để ứng dụng Can Tho Smart trở thành ứng dụng duy nhất phục vụ cho người dân và doanh nghiệp trong việc tra cứu, khai thác thông tin, tương tác với chính quyền.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
128	Triển khai các dịch vụ, phương tiện y tế thông minh, hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân và mã định danh y tế; triển khai ứng dụng công nghệ số tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt; triển khai các nền tảng hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa, cho phép theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh. Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa, thể thao, thư viện phục vụ người dân.	Sở Y tế	UBND xã, phường	Thường xuyên	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
129	Nâng cấp và duy trì ứng dụng Cần Thơ Smart.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Năm 2026	
130	Thúc đẩy mỗi người dân trưởng thành có tài khoản số.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh khu vực 14	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
131	Hỗ trợ chữ ký số cho người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số	Thường xuyên	
132	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới CDS tại cơ sở, đặc biệt là các Tổ Công nghệ số cộng đồng; phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng theo hướng xã hội hoá.	UBND xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	
133	Triển khai thực hiện thí điểm áp dụng mô hình hợp tác “3 nhà” (Nhà nước - viện/trường - doanh nghiệp) trong phát triển 10 sản phẩm công nghệ chiến lược.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Quý I	

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
IX	Bảo đảm an ninh mạng				
134	Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị huy động mọi nguồn lực để khắc phục ngay những lỗ hổng bảo mật trong các hệ thống thông tin.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	30/4/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
135	Tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể về an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, hệ thống thông tin và nguồn nhân lực trong phạm vi thành phố.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	30/6/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
136	Thực hiện thiết lập kênh kết nối trao đổi thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát, điều phối ứng cứu, khắc phục sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng Bộ Công an theo quy định (trừ các hệ thống thông tin trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng và cơ yếu).	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	30/6/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
137	Triển khai mô hình bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp.	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	30/4/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
138	Triển khai tổng thể các giải pháp giám sát, bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	30/4/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
139	Tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ đối với toàn bộ các hệ thống thông tin trọng yếu do mình trực tiếp quản lý, vận hành.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	30/4/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
140	Rà soát, đánh giá và củng cố lại Hệ thống giám sát an ninh mạng của thành phố; thực hiện công tác giám sát, điều phối ứng phó xử lý sự cố tại địa phương.	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	31/3/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026
141	Triển khai các giải pháp phòng chống mã độc máy trạm quản trị tập trung, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm dữ liệu thành phố.	- Công an thành phố; - Sở Khoa học và Công nghệ.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý III	
142	Nâng cấp Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng thành phố (SOC).	Công an thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	31/5/2026	Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW, ngày 05/01/2026

STT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
143	Rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của đơn vị, địa phương.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
144	Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an thành phố	Quý I	
145	Xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an ninh mạng.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Quý I	
146	Kiện toàn đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. Tổ chức tập huấn, diễn tập an toàn thông tin mạng trong cơ quan Nhà nước.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Tháng 12/2026	
147	Đảm bảo hoạt động của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.	Công an thành phố	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Năm 2026	

Phụ lục III

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	HẠNG MỤC, DỰ TOÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ TRIỂN KHAI	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
I	HẠ TẦNG SỞ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐÔ THỊ THÔNG MINH			
1	Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026 - 2028	Đề án ĐTTM
2	Xây dựng Khung kiến trúc ICT phát triển (đô thị thông minh) ĐTTM.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sau khi Trung ương cập nhật và ban hành Khung kiến trúc ICT theo chính quyền 02 cấp	Đề án ĐTTM
3	Khung quản trị dữ liệu thành phố Cần Thơ.	Công an thành phố	Năm 2026	Đề án ĐTTM
4	Xây dựng thí điểm bản sao số đô thị.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Đề án ĐTTM
5	Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu thông tin địa lý (GIS).	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Đề án ĐTTM
6	Xây dựng Nền tảng IoT Platform.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	Đề án ĐTTM

	<i>Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) của Sở, ban, ngành thành phố và các địa phương đảm bảo vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp</i>			
7	Đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT cho 103 xã, phường và 03 Trung tâm Phục vụ hành chính công, Hội nghị truyền hình cho các Sở, ban, ngành thành phố và 103 xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
8	Nâng cấp hạ tầng, mua sắm trang thiết bị CNTT, đường truyền, ... phục vụ chuyển đổi số Công an thành phố.	Công an thành phố	Năm 2026	
9	Đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 3 cho Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
10	Chuyển đổi IPv6 cho các dịch vụ ứng dụng CNTT tại Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	12/2026	
11	Xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ tự động quan trắc và cảnh báo môi trường nước phục vụ trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
II	CHUYỂN ĐỔI SỐ			
	Dữ liệu số			
	<i>Số hóa, tích hợp dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung thành phố</i>			
12	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp thành phố để đáp ứng yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trong giai đoạn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026	
13	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	

14	Xây dựng bản đồ số ứng dụng trong quản lý nuôi trồng và khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2030	
15	Cơ sở dữ liệu vi bằng.	Sở Tư pháp		
16	Nâng cấp, mở rộng Nền tảng Số hóa, đầu tư kho lưu trữ số (Lưu trữ cơ quan; Lưu trữ lịch sử).	Sở Nội vụ	2026 - 2030	
17	Số hóa hồ sơ (văn bản, chứng chỉ).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
18	Nâng cấp, mở rộng phần mềm cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Tài chính	Năm 2026	
19	Phối hợp triển khai, kết nối, tích hợp với nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo phân công và tiến độ cụ thể đối với từng nền tảng số, cơ sở dữ liệu.	- Sở, ban, ngành thành phố; - UBND xã, phường.	Thường xuyên	
	Xây dựng, nâng cấp tích hợp Kho dữ liệu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Sở, ban, ngành thành phố và các địa phương			
20	Xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Tư pháp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	Sở Tư pháp		
21	Hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Công Thương.	Sở Công Thương	2026 - 2027	
22	Xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Ngoại vụ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.	Sở Ngoại vụ		
23	Xây dựng cơ sở dữ liệu chức sắc, chức việc, tín đồ, tổ chức, đất đai xây dựng tín ngưỡng tôn giáo.	Sở Dân tộc và Tôn giáo		

24	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tham mưu, tổng hợp và chỉ đạo điều hành của Văn phòng UBND thành phố Cần Thơ (có ứng dụng AI).	Văn phòng UBND thành phố		
	Chính quyền số (nền tảng, ứng dụng số)			
	<i>Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp</i>			
25	Nâng cấp Công Thông tin điện tử thành phố Cần Thơ và các Trang Thông tin điện tử thành phần.	Văn phòng UBND thành phố		
	<i>Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số</i>			
26	Hệ thống tự động rà quét, cảnh báo và hướng dẫn khắc phục lỗi hỏng bảo mật tại Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
27	Xây dựng Trung tâm dữ liệu dự phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
28	Dự án Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
29	Dịch vụ các đường truyền; chuẩn hóa, nâng cấp, bảo trì hệ thống thư điện tử và sao lưu dự phòng cho Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	
30	Hệ thống thông tin nguồn cấp thành phố và hạ tầng kết nối tích hợp Hệ thống truyền thanh cơ sở.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2028	
31	Dịch vụ giám sát tương tác phục vụ, phản hồi của người dân (Tổng đài dịch vụ công 1022).	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	

32	Duy trì các ứng dụng dùng chung toàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026	
33	Nâng cấp Hệ thống quản lý văn bản điều hành thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	
34	Nâng cấp Hệ thống thư điện tử thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	
35	Nền tảng lắng nghe và giám sát mạng xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ		
36	Hệ thống phòng họp không giấy, xử lý công việc và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý và hợp nhất văn bản hành chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	
37	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống lấy ý kiến điện tử thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12/2026	
38	Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng Bưu chính, viễn thông trên nền GIS.	Sở Khoa học và Công nghệ		
39	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai Hệ thống thông tin báo cáo thành phố (VSR).	Văn phòng UBND thành phố		
40	Nâng cấp hệ thống Công báo điện tử thành phố.	Văn phòng UBND thành phố		
41	Hệ thống phần mềm quản lý và lập báo cáo ngân sách.	Sở Tài chính	Năm 2026	
42	Xây dựng Cổng thông tin doanh nghiệp thành phố Cần Thơ (nâng cấp từ Hệ thống tỉnh Sóc Trăng).	Sở Tài chính	Năm 2026	

43	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức thành phố Cần Thơ.	Sở Nội vụ	2026 - 2030	
44	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống quản lý An sinh xã hội thuộc ngành Nội vụ quản lý.	Sở Nội vụ	2026 - 2030	
45	Hệ thống Tuyển sinh đầu cấp 10.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
46	Phần mềm Quản lý thi Học sinh giỏi.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
47	Kiểm định, đánh giá, công nhận trường chuẩn quốc gia.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
48	Bộ giải pháp “Phần mềm Ra đề, chấm thi và thi trên máy tính” phục vụ công tác quản lý khảo thí và CDS.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
49	Phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
50	Phần mềm Đánh giá mức độ CDS trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
51	Nâng cấp Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
52	Xây dựng phần mềm khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn.	Sở Xây dựng	Năm 2026	
53	Xây dựng kho chứa cơ sở dữ liệu và triển khai hồ sơ điện tử quy hoạch đô thị và nông thôn đối với các quy hoạch đã phê duyệt phục vụ cho quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn.	Sở Xây dựng	Năm 2026	

54	Xây dựng ứng dụng nền tảng quản lý - phân tích - hỗ trợ ra quyết định cho công tác kiểm tra, thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn một xã của thành phố Cần Thơ.	Sở Xây dựng	Năm 2026	
55	Nâng cấp phần mềm quản lý cây xanh đô thị thành phố Cần Thơ trên cơ sở nền tảng hệ thống cây xanh đã được GIS hóa	Sở Xây dựng	Năm 2026	
56	Mua sắm bản quyền phần mềm môi trường dữ liệu chung (CDE) phục vụ công việc thẩm định, lưu trữ hồ sơ mô hình thông tin công trình (BIM) trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Xây dựng	Năm 2026	
57	Phần mềm quản lý hệ thống đường thủy nội địa.	Sở Xây dựng	Năm 2026	
58	Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng thông minh.	Sở Xây dựng	Năm 2026	
59	Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.	Sở Xây dựng	Năm 2026	
60	Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin mạng (03 hệ thống).	Sở Xây dựng	Năm 2026	
61	Nền tảng kết nối báo chí truyền thông.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026	
62	Đầu tư, nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ, thông tin - viễn thông cấp xã.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026	
63	Xây dựng cổng thông tin dữ liệu công nghiệp văn hóa và thương hiệu văn hóa Cần Thơ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026	
64	Thuê Hệ thống thông tin Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.	Sở Y tế	2026 - 2030	
65	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, chỉ huy, điều hành phục vụ Chuyển đổi số tại Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ và các đầu mối trực thuộc.	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	2026 - 2029	

	Kinh tế số			
	<i>Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số</i>			
66	Xây dựng hạ tầng Khu CNTT tập trung thành phố Cần Thơ.	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố, Ban QLDA ĐTXDCT DDCN thành phố		
67	Xây dựng hạ tầng Khu Công nghệ số Hậu Giang.	Ban QLDA ĐTXDCT DDCN thành phố		
68	Sàn giao dịch công nghệ để hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất.	Sở Khoa học và Công nghệ		
	<i>Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia chuyển đổi số</i>			
69	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia CDS.	Sở Tài chính		
70	Sàn Thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Năm 2026	
	<i>Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực</i>			
71	Số hóa ảnh tư liệu đang lưu giữ tại Bảo tàng thành phố Cần Thơ (Nâng cấp hệ thống hiện vật Bảo tàng thành phố Cần Thơ).	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026	
72	Xây dựng Hệ sinh thái xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch thông minh dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ VR360 và Trí tuệ nhân tạo.	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch thành phố Cần Thơ	2026 - 2028	

	Xã hội số			
73	Phổ cập kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp đảm bảo thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” và hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng.	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Nội vụ; - Sở Giáo dục và Đào tạo.	Thường xuyên	
74	Nâng cấp và duy trì ứng dụng Cần Thơ Smart.	Sở Khoa học và Công nghệ		
75	Nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật.	Sở Tư pháp		
76	Điều chỉnh, nâng cấp cơ sở dữ liệu về Công chứng.	Sở Tư pháp		
77	Phần mềm Học bạ số.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
78	Phòng học tương tác thông minh và phòng học đa phương tiện.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
79	Đầu tư hệ thống thư viện điện tử cho các trường phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
80	Hệ thống phần mềm dạy học trực tuyến (LMS).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026	
81	Tư vấn, khám bệnh từ xa.	Sở Y tế	Năm 2026	
82	Thuê Hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và Hệ thống quản lý trạm y tế xã/phường.	Sở Y tế	2026 - 2030	
83	Chuyển đổi số các Bệnh viện/Trung tâm Y tế công lập.	Sở Y tế	2026 - 2029	
84	Mở rộng, nâng cấp ứng dụng chuyển đổi số ngành Y tế Cần Thơ (trên cơ sở các dự án CDS ngành Y tế tỉnh Hậu Giang cũ).	Sở Y tế	2026 - 2028	

IV	ĐÔ THỊ THÔNG MINH			
	<i>Quy hoạch, quản lý xây dựng ĐTTM</i>			
85	Tích hợp nội dung ĐTTM vào cấp độ quy hoạch chung và quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.	Sở Xây dựng	Năm 2026	Đề án ĐTTM
86	Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn qua các thời kỳ.	Sở Xây dựng	Năm 2026	Đề án ĐTTM
87	Lập Quy hoạch đô thị và nông thôn được xây dựng cơ sở dữ liệu GIS trên nền tảng GIS và tích hợp lên hệ thống liên thông dữ liệu quốc gia (khi hệ thống quốc gia hoàn thành).	Sở Xây dựng	Năm 2026	Đề án ĐTTM
88	Chuẩn bị phần mềm môi trường dữ liệu chung (CDE) phục vụ công việc thẩm định, lưu trữ hồ sơ mô hình thông tin công trình (BIM) trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Sở Xây dựng	Năm 2026	Đề án ĐTTM
	<i>Hạ tầng kỹ thuật ĐTTM</i>			
89	Đầu tư hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ GD 1.	Sở Xây dựng	Năm 2026	Đề án ĐTTM
90	Đầu tư mở rộng hệ thống quản lý phục vụ giám sát, xử lý vi phạm giao thông, an ninh trật tự cho thành phố Cần Thơ sau khi hợp nhất.	Công an thành phố	Năm 2026	Đề án ĐTTM
	<i>Quản lý, vận hành đô thị thông minh</i>			
91	Nâng cấp Nền tảng IOC thành phố và triển khai IOC cấp xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030	